

Bản án số 73/2024/HNGĐ-ST

Ngày 20/08/2024

V/v: Ly hôn giữa anh S và chị T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thụ

2. Bà Nguyễn Thị Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 99/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2024, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXX-ST ngày 25 tháng 06 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đăng Văn S, S năm 1993; có mặt

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

2. *Bị đơn:* Chị Lương Thị T, S năm 1991; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Đăng Văn S trình bày: Được sự đồng ý của hai gia đình, năm 2017 anh tổ chức đám cưới với chị Lương Thị T theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi kết hôn, anh chị có được tự nguyện tìm hiểu, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Lục Nam. Sau khi kết hôn chị Lương Thị T đã chuyển khẩu và về nhà anh ăn ở ngay. Vợ chồng anh chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 08 năm 2021 thì nảy S mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị mỗi người làm công nhân một nơi, thỉnh thoảng mới về, anh chị đã cưới nhau lâu, đi khám và cắt thuốc nhiều nơi nhưng vẫn chưa có con. Anh và chị T sống ly T, chấm dứt mọi quan hệ từ tháng 10/2021. Nay anh xác định tình cảm

vợ chồng giữa anh và chị T đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lương Thị T.

Về con chung: Anh và chị Lương Thị T chưa có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Lương Thị T nhưng chị T không đến trụ sở Tòa án làm việc, không cung cấp cho Tòa án bản tự khai, tài liệu, chứng cứ gì.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh Đăng Văn S ly hôn với chị Lương Thị T. Về con chung; tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xử vụ án.

Anh Đăng Văn S yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lương Thị T. Đây là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đăng Văn S kết hôn với chị Lương Thị T trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Lục Nam, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy S mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm, không chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống. Anh S và chị T sống ly T, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cúng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh S và chị T đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh Đăng Văn S yêu cầu được ly hôn với chị Lương Thị T là có cơ sở. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho anh Đăng Văn S được ly hôn với chị Lương Thị T.

[3]. Về con chung: Anh Đăng Văn S và chị Lương Thị T chưa có con chung nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào iểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Đăng Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008155 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 28/03/2024.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đăng Văn S ly hôn với chị Lương Thị T.

2. Về án phí: Anh Đăng Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008155 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 28/03/2024.

3. Về kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ, v/p.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân